

TÊN NHÂN VẬT VĂN HỌC NHƯ NHỮNG TÍN HIỆU NGHỆ THUẬT: GIẢI MÃ TÊN GỌI MỘT SỐ NHÂN VẬT TRONG *TRUYỀN KÌ MẠN LỤC* CỦA NGUYỄN DỮ

Nguyễn Thanh Tùng

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thanh Tùng - Email: nguyentunghnue@gmail.com

Ngày nhận bài: 03-6-2021; Ngày nhận bài sửa: 16-8-2021; Ngày duyệt đăng: 31-12-2021

Tóm tắt: Là một kiệt tác của văn học trung đại Việt Nam, *Truyền kì mạn lục* cho thấy sự kế thừa và sáng tạo nghệ thuật của Nguyễn Dữ trên nhiều phương diện. Việc Nguyễn Dữ đặt tên cho nhân vật trong tác phẩm của mình, biến nhiều cái tên thành những “tín hiệu nghệ thuật” thực sự, cũng thể hiện sự kế thừa và sáng tạo đó. Ông đã kế thừa từ truyền thống văn học Đông Á và Việt Nam nói chung, từ *Tiến đăng tân thoại* của Cù Hựu nói riêng, đồng thời sáng tạo nhiều cách đặt tên với những dụng ý nghệ thuật khác nhau, đặc biệt là cách đặt tên với dụng ý trào phúng. Bài viết tập trung phân loại, phân tích hệ thống tên nhân vật trong *Truyền kì mạn lục* nhằm khẳng định đó là một bút pháp độc đáo đồng thời là một thành công nghệ thuật của Nguyễn Dữ.

Từ khóa: Nguyễn Dữ; *Truyền kì mạn lục*; tên nhân vật; tín hiệu nghệ thuật; giải mã.

1. Mở đầu

Tên nhân vật như những “tín hiệu nghệ thuật” chỉ báo cho người đọc những thông điệp nhất định trong tác phẩm văn học là một hiện tượng không quá lạ lẫm và hiếm gặp. Bên cạnh việc đặt tên nhân vật một cách ngẫu nhiên, ngẫu hứng hay bởi một nguyên cớ bên ngoài văn bản nào đó, nhiều nhà văn dụng tâm đặt tên nhân vật với những ý đồ nghệ thuật nhất định (ám chỉ, tượng trưng, châm biếm, ngoa dụ, phúng dụ,...) khá thú vị. Tìm hiểu hiện tượng này sẽ đưa lại nhiều tri thức bổ ích về lí luận và thực tiễn sáng tạo nghệ thuật của nhà văn, nhà thơ.

Có lẽ, hiện tượng như vậy không xuất hiện ở đâu nhiều bằng trong những tác phẩm hư cấu của văn học trung đại phương Đông, đặc biệt là ở loại hình tự sự. Những đặc điểm về văn hoá, văn học, ngôn ngữ - văn tự, thể loại, thị hiếu thẩm mỹ,... trong khu vực đã tạo điều kiện cho hiện tượng trên phát triển mạnh mẽ. Không phải

ngẫu nhiên chúng tôi chọn khảo sát hiện tượng đặt tên nhân vật trong *Truyền kì mạn lục* 傳奇漫錄 của Nguyễn Dữ 阮嶼 (? - ?)¹. Tác phẩm này là một đỉnh cao nghệ thuật của truyện hư cấu trung đại Việt Nam, điển hình cho bút pháp văn xuôi nghệ thuật dân tộc thời trung đại, mà khi sơ bộ khảo sát chúng tôi nhận thấy nhiều tên nhân vật trong tác phẩm có biểu hiện của những “tín hiệu nghệ thuật” như thế. Tuy nhiên, hiện tượng này lại chưa được giới nghiên cứu về Nguyễn Dữ và *Truyền kì mạn lục* chú ý triệt để, thỏa đáng. Có chăng chỉ là nhận xét sơ lược sau đây của nhà nghiên cứu Đài Loan Trần Ích Nguyên khi so sánh *Truyền kì mạn lục* với *Tiến đăng tân thoại* 剪燈新話 của Cù Hựu 瞿佑/ Qu You (1341 - 1427): “Chúng ta cũng không thể coi nhẹ việc ra đời của hai cuốn sách, bởi thành phần giả thiết, tưởng tượng của các tác giả khá đậm. Từ cách đặt tên cho nhân vật chính trong truyện của Cù Hựu và Nguyễn Dữ, như Hà Hữu Nhân (sao có người

Cite this article as: Nguyen, T. T. (2021). Character' names as artistic signals: decoding names of characters in *Truyền Kì Mạn Lục* by Nguyễn Dữ. *UED Journal of Social Sciences, Humanities and Education*, 11(2), 53-60. <https://doi.org/10.47393/jshe.v11i2.979>

¹Văn bản Hán văn *Truyền kì mạn lục* chúng tôi sử dụng chủ yếu ở đây là bản “Loại Am hội chú” (D. Nguyen, 1712); khi cần thiết sẽ tham khảo các bản “Nguyễn Bích gia bản” (D. Nguyen, 1763) và “Nguyễn Đình Lân gia bản” (D. Nguyen, 1774).

này) truyện *Phú quý phát tích ti chí*, Phùng Đại Dị (gặp chuyện kì dị lớn) truyện *Thái hư tư pháp truyện*... trong *Tân thoại*; Hà Nhân (người nào vậy) truyện *Tây viên kì ngộ kí*, Ngô Soạn (ta soạn) truyện *Tân Viên từ phán sự lục*... trong *Mạn lục*, ta có thể nhận ra điều này” (Tran, 2000, 225); hay trong những trao đổi trực tiếp mà chúng tôi được tham gia². Đó là cơ sở để chúng tôi thực hiện bài viết này.

2. Nội dung

Cần phải nói ngay rằng, không phải cái tên nhân vật nào trong *Truyện kì mạn lục* cũng có khả năng mang ý nghĩa biểu trưng, gửi gắm ý đồ nào đó của nhà văn và do đó trở thành một tín hiệu nghệ thuật. Đầu tiên là những nhân vật lịch sử có tiếng mà tên gọi của họ đã là một hiện tượng khách quan, khó có thể thay đổi hay gửi gắm gì cái gì riêng của nhà văn, như: Nguyễn Trãi 阮廌 (1380 - 1442) [*Tây viên kì ngộ kí* 西垣奇遇記], Hồ Tông Thốc 胡宗簇 (1324 - 1404), Hạng Vũ 項羽 (232 - 202), Phạm Tăng 范增 (277 - 204) [*Hạng vương từ kí* 項王祠記], Nguyễn Trung Ngạn 阮忠彥 (1289 - 1370) [*Thủy Tiêu truyện* 翠綃傳], Trương Phụ 張輔 (1375 - 1449) [*Lệ Nuong truyện* 麗娘傳],... Thứ đến là một số nhân vật là những con người bình thường nhưng có nhiều khả năng là những “người thật việc thật”³ khiến tác giả ít có cơ hội tự đặt tên cho họ (nhưng không phải không có khả năng tác giả hư cấu thêm) như: Trương sinh 張生, Vũ Thị Thiết [*Nam Xương nữ tử lục* 南昌女子錄], Phùng Trọng Quỳnh 馮仲逵, Từ Nhị Khanh 徐蘂卿 [*Khoái Châu nghĩa phụ truyện* 快州義婦傳],... Thứ đến nữa là một số nhân vật phụ, nhân vật chức năng, nhân vật loại hình không

²Ở đây chúng tôi muốn chân thành cảm ơn cố PGS.TS. Nguyễn Đăng Na! Trong một vài lần trao đổi với ông về *Truyện kì mạn lục*, ông cũng thường nhắc đến hiện tượng đặt tên nhân vật có dụng ý của Nguyễn Dữ. Ông cũng có cách tiếp cận và nhiều kiến giải độc đáo tác phẩm *Truyện kì mạn lục* (D. N. Nguyen, 2006).

³Trong *Truyện kì mạn lục* có một số truyện mà bản thân tác giả cũng cố gắng lưu ý đó là “người thật việc thật” (D. N. Nguyen, 2006), hoặc chúng ta có thể tìm thấy thông tin về câu chuyện trước thời điểm *Truyện kì mạn lục* ra đời, chẳng hạn câu chuyện về Vũ Thị Thiết (*Nam Xương nữ tử lục*) được Lê Thánh Tông xác nhận bằng bài thơ *Qua miếu vợ chàng Trương*...

quá quan trọng (nên có thể còn không có tên riêng) như: Đỗ Tam 杜三 [*Khoái Châu nghĩa phụ truyện*], Nguyễn Quỳnh 阮達 [*Lí tướng quân truyện* 李將軍傳], Phan lang 番郎 [*Nam Xương nữ tử lục*], Thạch Hán Anh 石漢英, Thạch Bàng 石龐 [*Trà đồng giáng dân lục* 茶童降誕錄], Lưu thị 劉氏, Bạch tướng quân 白將軍 [*Khoái Châu nghĩa phụ truyện*], Phạm thị 范氏 [*Xương Giang yêu quái lục* 昌江妖怪錄], Diêm Vương 閻王 [*Tân Viên phán sự lục*, *Xương Giang yêu quái lục*,...], đạo sĩ 道士 [*Mộc miên thụ truyện* 木棉樹傳, *Xương Giang yêu quái lục*], dạ xoa 夜叉 [*Dạ xoa bộ soái lục* 夜叉部帥錄],... Thậm chí, tên một số nhân vật chính (thường chỉ có họ mà không có tên) dường như cũng không chứa đựng dụng ý gì (hoặc do hiện chúng tôi chưa giải mã được) như: Dương thị 楊氏 [bà họ Dương], Trịnh huyện lệnh 鄭縣令 [Huyện lệnh họ Trịnh]⁴ [*Long đình đối tụng lục* 龍庭對訟錄], viên quan họ Hoàng 一員姓黃 [*Xương Giang yêu quái lục*],... Nhưng với nhiều nhân vật còn lại, theo chúng tôi, tác giả có nhiều dụng ý, kí thác khi đặt tên. Có thể chia làm 3 nhóm sau đây.

2.1. Những cái tên báo hiệu nguồn gốc, lai lịch, chức năng của nhân vật

Một số nhân vật chỉ cần đọc tên ta đã thấy báo hiệu có nguồn gốc là động vật, cỏ cây (chính xác là tính các loài động vật, thực vật). Ở đây tác giả thường vận dụng sự trùng nghĩa (do văn hoá đặt họ tên ở phương Đông) hoặc đồng âm giữa họ của nhân vật với các loài động vật, cỏ cây và tính chất của chúng. Chẳng hạn, hai nhân vật Liễu Nhu Nương (柳柔娘), Đào Hồng Nương (桃紅娘) [*Tây Viên kì ngộ kí*] có họ Đào, Liễu báo hiệu gốc gác là cây cỏ (cây liễu, cây đào) với tính chất đào hồng thắm (hồng), liễu mềm mại (nhu)⁵. Còn với hai nhân vật “Viên Tú tài” (袁秀才), “Hồ xử sĩ” (胡處士) [*Đà Giang dạ ẩm kí* 沱江夜飲記], tác giả dùng cách chơi chữ đồng âm giữa

⁴Có bản chép là Trịnh Thái thú 鄭太守 (Thái thú họ Trịnh) (D. Nguyen, 1763, 1774).

⁵Trong *Tây viên kì ngộ kí*, Nguyễn Dữ còn tạo ra nhiều nhân vật khác với kiểu đặt tên tương tự như: à họ Kim 金 (chi hoa Kim tiên), nàng họ Thạch 石 (cây Thạch lựu), họ Lý 李 (cây mạn), họ Dương 楊 (cây dương), họ Mai 梅 (cây mai),... Chính nhân vật ông già hàng xóm của Hà Nhân đã chỉ ra cho nhân vật này ý nghĩa ám chỉ nguồn gốc đó trong truyện.

“Hò” 胡 (họ Hò) với “hò” 狐 (con cáo); giữa “Viên” 袁 (họ Viên) với “viên” 猿 (con vượn), và như vậy hai nhân vật ở đây chính là Tú tài vượn, Xứ sĩ cáo. Hay Bạch Long hầu 白龍候 [*Long đình đối tụng lục*] báo hiệu nhân vật là thủy thần (con rồng trắng) đồng thời là vua một cõi (trong văn hóa phương Đông, rồng thường tượng trưng cho đế vương).

Một số nhân vật khác chỉ cần đọc tên ta đã thấy có nguồn gốc hoang đường, kì ảo hoặc phiếm chỉ, hoặc có nguồn gốc ở địa phương xa xôi. Chẳng hạn, các nhân vật mang họ “Hà” 何 (Hà Nhân 何仁, Hà mỗ 何某) đều có thể ám chỉ một sự băn khoăn, không rõ ràng về nguồn gốc xuất thân, hoặc xuất thân không quan trọng, qua đại từ nghi vấn “Hà” 何 (Làm sao, gì, nào, thế nào, nào đó,...?)⁶. Kết hợp với việc các từ “nhân” 仁 [nhân ái] (đồng âm với “nhân” 人 - người) [*Mộc miên thụ truyện*], “mỗ” 某 (tức khuyết tên, tên nọ, nào đó) [*Lí tướng quân truyện*, *Thúy Tiêu truyện*] thì trở thành các nghĩa: người nào đó, người vô danh nào đó, hoặc “làm sao mà có đức nhân?”,... Các nhân vật có họ Ngụy 魏 lại mang hàm ý là những nhân vật “không có thật” nhờ sự đồng âm giữa “ngụy” 魏 (họ Ngụy) với “ngụy” 偽 (không thật, giả trá), như: Ngụy phu nhân 魏夫人 (mẹ tiên nữ Giáng Hương) [*Từ Thức tiên hôn lục* 徐式仙婚錄], Ngụy Nhược Chân 魏若真 (đọc lên dễ liên tưởng đến cái nghĩa: 偽若真 giả mà như thật, theo hiện tượng đồng âm) [*Đào thị nghiệp oan kí* 陶氏業冤記]. Nhân vật “Linh Phi” 靈妃 [bà phi linh thiêng] [*Nam Xương nữ tử lục*] hẳn chỉ một người đàn bà phi nhưng ở cõi thiêng (linh). Nhân vật Phạm Tử Hư 范子虛 [*Phạm Tử Hư du Thiên Tào lục* 范子虛遊天曹錄] nhắc người ta nhớ đến những nhân vật hư cấu “Tử Hư” 子虛 (rỗng không, chẳng có gì là chân thực) và “Ô Hữu” 烏有 (làm gì có?), “Vong Thị” 亡是 (mất đi cái đúng) trong bài *Từ Hư phú* 子虛賦 của Tư Mã Tương

⁶Họ Hà cũng có khi cho thấy nguồn gốc là người dân tộc ít người. Ở cả 2 ý nghĩa này, có thể liên tưởng đến nhân vật Hà Ô Lôi 何鳴雷 trong *Hà Ô Lôi truyện* 何鳴雷傳 (Trần Thế Pháp 陳世法) hay nhân vật Hà lang 何郎 trong *Bích Câu kì ngộ kí* 碧溝奇遇記 (Đặng Trần Côn 鄧陳琨;?), nhân vật Hà sinh 何生 trong *Hải khẩu linh từ lục* 海口靈祠錄 (Đoàn Thị Điểm 段氏點),...

Như 司馬相如; (179 - 117). Nhân vật Từ Thức 徐式 [*Từ thức tiên hôn lục*] khiến người ta nhớ đến nhân vật Từ Phúc 徐福 (? - ?) trong truyền thuyết Trung Hoa, là người đã được Tần Thủy Hoàng đế 秦始皇帝 (242 - 210) sai đi thuyền ra biển tìm đảo tiên, nhưng không quay trở về nữa. Điều đặc biệt là trong thiên *Thiên Thai phỏng án lục* 天台訪隱錄 (trích từ *Tiền đấng tân thoại*) của Cù Hựu cũng có nhân vật có dáng dấp như Từ Thức, yêu cảnh nước biếc non xanh, có duyên gặp tiên ở núi Thiên Thai cũng có cái tên là Từ Dật 徐逸 (Dật: ản dật, lánh đời). Nhân vật Lý Phật Sinh 李佛生 [Phật Sinh: Phật sinh ra] [*Lê Nương truyện*], Dương Thiên Tích 楊天錫 [Thiên Tích: Trời ban cho] [*Trà đồng giáng đản lục*] hé lộ nguồn gốc là “con cầu tự” hoặc thần giáng sinh do cha mẹ có âm đức. Nhân vật Đào Hàn Than 陶寒灘 [*Đào thị nghiệp oan kí*] hé lộ nguồn gốc là ca kĩ (thường nhân vật nữ họ Đào hoặc bị gán cho họ Đào, liên quan đến nghề hát xướng: Á Đào, cô đào, đào hát...). Nhân vật Hối Ông 晦翁 [*Mộc miên truyện*] hé lộ nhân vật đã chết [Hối: Tăm tối]. Riêng nhân vật không tên là Na Sơn tiểu phu thì bản thân sự vô danh lại rất thích hợp với thân phận của ông, bởi chính trong truyện cũng kể rằng khi được hỏi danh tính thì nhân vật chỉ cười mà không nói.

Còn những nhân vật như Pháp Vân 法雲 [*Đào thị nghiệp oan kí*], Mao Tử Biên 毛子編 [*Kim Hoa thi thoại kí* 金華詩話記], Kiều Oanh 嬌鶯 [*Thúy Tiêu truyện*] thì có tính chức năng khá rõ nhìn từ cái tên của họ. “Pháp Vân” (đám mây pháp) là một trong số ít những nhà sư, đạo sĩ có tên (hiệu) đầy đủ trong *Truyện kì mạn lục*, báo hiệu ông sẽ là người mang đạo pháp để ban phát, cứu rỗi chúng sinh. Còn cái tên Mao Tử Biên 毛子編 (Ghi chép bằng ngòi bút lông) đã chỉ rõ đây là nhân vật được Nguyễn Dữ hư cấu chỉ để làm “nhân chứng” và để “chép lại” cuộc nói chuyện thơ, chuyện đời của Ngô Chi Lan. Đó là nhân vật chức năng. Cái tên Kiều Oanh 嬌鶯 [con chim oanh yêu kiều - hình ảnh con oanh thường mang ý nghĩa vật làm bạn với người cô đơn, làm vật báo tin] lại hé lộ vai trò là vật báo tin và an ủi những kẻ cô đơn.

Hiện tượng đặt tên nhân vật hé lộ nguồn gốc, chức năng nhân vật là hiện tượng khá phổ biến trong văn học truyền thống trước Nguyễn Dữ. Ở Trung Quốc, hiện tượng này rất phổ biến (trong truyện chí quái, truyện truyền kì,... mà *Tiền đấng tân thoại* là ví dụ trực tiếp, có

ảnh hưởng đến chính *Truyện kì mạn lục* của Nguyễn Dữ). Riêng trong văn học Việt Nam, hiện tượng này cũng bắt đầu xuất hiện từ những tập truyện phần nhiều mang tính chất hư cấu, huyền thoại như: *Việt điện u linh tập* 粵甸幽靈集 (Lý Tế Xuyên 李濟川), *Lĩnh Nam chích quái lục* 嶺南摭怪錄 (Trần Thế Pháp 陳世法, Vũ Quỳnh 武瓊, ...). Tuy nhiên, cách đặt tên mang hàm ý như vậy còn tản mạn, sơ giản (như: Lạc Long Quân, Âu Cơ, Sơn Tinh, Thủy Tinh, Kim Quy, Thanh Giang sứ, Hà Ô Lôi, ...). Đến Nguyễn Dữ thì việc đặt tên hé lộ nguồn gốc, chức năng nhân vật trở nên đa dạng, linh hoạt hơn.

2.2. Những cái tên báo hiệu ngoại hình, tính cách, số phận nhân vật

Một số tên trong tác phẩm, đặc biệt là nhân vật nữ, thường báo hiệu nhan sắc của họ, chẳng hạn: Nguyễn Thị Diễm 阮氏琰 mẹ Lê Nương (Diễm: ngọc khuê, lông lánh), Lê Nương 麗娘 (cô gái diễm lệ; tên hai mẹ con có sự hô ứng) [*Lê Nương truyện*], Thúy Tiêu 翠綃 (lụa nõn xanh cánh trà), Kiều Oanh [*Thủy Tiêu truyện*], Liễu Nhu Nương 柳柔娘 (nàng họ Liễu mềm mại), Đào Hồng nương 桃紅娘 (nàng họ Đào hồng thắm) [*Tây viên kì ngộ kí*], Giáng Hương 絳香 (Giáng: Màu đỏ thắm; Hương: mùi thơm) [*Từ Thức tiên hôn lục*], ... So sánh với tên các nhân vật nữ khác trong *Truyện kì mạn lục* như Vũ Thị Thiết, Hồ Thị Nghi 胡氏宜, Từ Nhị Khanh, Dương thị, ... thì những nhân vật này có thể nói là có tên đẹp, và dường như tác giả cũng có ý nhấn mạnh đến nhan sắc, vẻ diễm lệ của họ và thường cũng là những nhân vật giàu “nữ tính” và lãng mạn. Bởi vì, những nhân vật nữ này thường gắn với những mối tình lãng mạn, ngọt ngào (Thúy Tiêu, Lê Nương, Thị Diễm, Giáng Hương), hoặc gắn với những chuyện “trăng gió” (Liễu Nhu Nương, Đào Hồng Nương). Trong khi đó, những nhân vật “chính chuyên” hoặc kiểu “nạn nhân”, thì lại thường có những cái tên mộc mạc (thường chỉ tính cách hơn ngoại hình, mà tính cách của những nhân vật này thì thường thiên về sự mạnh mẽ, kiên trì, quyết liệt, nội lực, vẻ đẹp tiềm ẩn kín đáo), thậm chí không có tên, chỉ có họ. Đó là điều đáng lưu ý khi phân tích các nhân vật nữ trong tập truyện⁷.

Trái lại, một số nhân vật nam chính diện (và một số ít nhân vật nữ), thì thường được đặt tên mang ý nghĩa chỉ

⁷Nhưng như đã lưu ý từ đầu bài viết, một số nhân vật có thể là “người thật việc thật” hoặc tác giả không có dụng ý gì sâu xa về tên gọi, nên đây chỉ là những gợi ý có tính chất tham khảo.

tính cách, phẩm cách, tài năng. Chẳng hạn, Dương Trám 楊湛 [*Phạm Tử Hư du Thiên Tào lục*] có tên “Trám” với nghĩa là “trong sạch, vui vẻ, phúc hậu” [họ Dương, họ Từ, ... trong *Truyện kì mạn lục* cũng được tác giả ưu ái dành cho những nhân vật “chính diện”]. Từ Đạt 徐達 [*Khoái Châu nghĩa phụ truyện*] vừa có họ Từ “đi tìm tiên”, lại có tên là “đạt” theo nghĩa đã “tri thiên mệnh”. Từ Thức 徐式 ngoài việc có họ Từ tương tự, lại có tên là “Thức” với nghĩa là “khuôn mẫu, mực thước” và đồng âm với “thức” 識 có nghĩa là “hiểu biết, giác ngộ”. Cái tên Phùng Lập Ngôn 馮立言 cho thấy tính cách thẳng thắn [Lập ngôn: nói ngay, hoặc lập thuyết; “Phùng Lập ngôn” với chữ phùng đồng âm là “逢” có nghĩa là: Gặp là nói ngay] ứng với số phận long đong của nhân vật vì bị quyền thần ghen ghét mà đẩy đi xa. Lí Thúc Khoản 李叔款 [*Lí tướng quân truyện*] cũng có cái tên “Khoản” với nghĩa là “thành thực, chân thành, thành khẩn” ứng với việc thường can ngăn cha không làm điều ác và sự giác ngộ của ông trước quy luật ác giả ác báo mà ông được chứng kiến từ chính người cha của mình. Cái tên Dương Đức Công 楊德公 (huý Tạc 昨 – ngày hôm qua) [*Trà đồng giáng đàn lục*] cũng lại có ý nói đến sự nhân từ, hay tích đức của nhân vật (nếu cho phép sự liên tưởng đồng âm thì rất có ý nghĩa: Dương Đức – Âm Đức; Công 公 – ông – ngài, công 功 – công đức), một sự tích đức của quá vãng (ngày hôm qua – tạc 昨) để ngày sau con cháu ông được hưởng. Đặc biệt ba cái tên Ngô Tử Văn 吳子文 [*Tản Viên từ phán sự lục* 傘圓祠判事錄], Văn Dĩ Thành 文以誠 [*Dạ soa bộ soái lục*], Văn Tư Lập 文斯立 [*Đông Triều phế tự truyện* 東潮廢寺傳] dường như muốn đề cao “văn giáo” 文教, “tu văn” 斯文 của Nho gia, tô đậm bản lĩnh cứng cỏi, cương trực, cốt cách thanh cao người trí thức Nho học. “Văn Dĩ Thành” có thể dịch là “lấy sự thành thực để làm văn” hoặc “văn dựa vào sự chân thành” (trong đó “văn” chính là “tu văn” mà nhà Nho hay nói đến xuất phát từ lời của Khổng Tử; còn nếu là dùng hiện tượng đồng âm thì “văn dĩ thành” có thể mượn tượng thành: văn đã thành tựu 文已成). Còn “Ngô Tử Văn” chỉ cần đổi chữ “Ngô” 吳 (họ) thành “Ngô” 吾 (ta) thì có thể hiểu: “cái văn của thầy ta” (riêng cái tên hiệu “Tử Văn” đã mang nghĩa rất đẹp: Cái văn của Thầy) mà ở đây ai cũng biết “thầy” (từ 子) [khi phiên âm] thường được viết hoa và được dùng để chỉ bậc “đại thành chí thánh” của Nho giáo là Khổng Tử; còn “văn” cũng chính là “tu văn” như trên. Ngoài ra, Ngô Tử Văn thực ra có tên là Soạn

(譔) nghĩa là “dóc lòng dạy dỗ” (chuyên tâm giáo dục), “một lòng kính trọng”, “chuẩn bị đầy đủ” cũng cho thấy phẩm chất đáng kính trọng, noi theo của một ông thầy (Nho học)⁸. Điều đáng nói là chữ Soạn 譔 cũng được Cù Hựu dùng để đặt tên cho nhân vật chính trong *Lệnh Hồ sinh minh mộng lục* 令狐生冥夢錄 ở *Tiền đăng tân thoại* (Qu, 1974). Tính cách của Lệnh Hồ Soạn cũng khá giống với Ngô Tử Văn: cương trực, không tin quỷ thần, sẵn sàng phê phán, đối chất với những thế lực quỷ thần bất chính! Phải chăng khi đặt tên này, Nguyễn Dữ đã ít nhiều chịu ảnh hưởng từ Cù Hựu? Và không chỉ một cái tên cụ thể như vậy, hiện tượng đặt tên có dụng ý như thế chúng ta cũng thấy rất phổ biến trong *Tiền đăng tân thoại*⁹. Còn cái tên “Văn Tư Lập” thì chỉ cần đảo lại trật tự một chút sẽ thành “Lập Tư Văn” hoặc “Tư Văn Lập” thì sẽ có nghĩa rất sâu sắc: kiến thiết tư văn, lập lại chính đạo rất ứng với tư tưởng bài bác Phật giáo, ủng hộ Nho giáo trong tác phẩm. Nếu hiểu như vậy thì những cái tên đặt cho ba nhân vật này quả rất thâm thúy và chứa đựng, gửi gắm nhiều lí tưởng, hoài bão, tâm huyết của Nguyễn Dữ như thế nào. Có một nhân vật khá đặc biệt là Ngô Chi Lan mà ở đây chúng tôi thấy cũng cần phải đề cập đến. Dường như đây là một nhân vật lịch sử có thật. Và nếu vậy thì Nguyễn Dữ có “đắt” nào để sáng tạo ở cái tên của bà? Dường như không có. Nhưng nếu đọc các thư tịch khác [như *Kiến văn tiểu lục* 見文小錄 của Lê Quý Đôn 黎貴惇 (1726 - 1784)], thì có thể thấy tên bà thực ra không phải là “Ngô Chi Lan” 吳芝蘭 mà lại là “Nguyễn Hạ Huệ” 阮夏

⁸Bên cạnh đó “Soạn” 譔 còn có nghĩa là “biên soạn”, kết hợp với chữ “ngô” (吾 – tôi, ta) theo lối đồng âm sẽ có nghĩa là: “Ta/tôi biên soạn”.

⁹Như các cái tên: Dư Thiện Văn 余善文 (anh chàng họ Dư giỏi văn; ta giỏi văn) [*Thủy cung khánh hội lục* 水宮慶會錄], Nguyên Tự Thực 元自實 (vốn bắt đầu từ sự thực) [*Tam Sơn phúc địa chí* 三山福地志], Hà Hữu Nhân 何友仁 (sao nhân ái, hữu hảo vậy?) [*Phủ quý phát tích ti chí* 富貴發跡司志], “Văn Tư Thuật” 聞子述 (Nghe lời thuật của Thầy) [*Long Đường linh hội lục* 龍堂靈會錄], Phùng Đại Di 馮大異 tên Kì 奇 (âm chi: gặp gỡ việc kì lạ lớn) [*Thái Hư tư pháp truyện* 太虛司法傳], Hạ Nhan 夏顏, tự Hi Hiền 希賢 [âm chi có phẩm chất như của Nhan Hôi, là “người hiền hiếm có”] [*Tu văn xá nhân truyện* 修文舍人傳], Thành Lệnh Ngôn 成令言 (lời nói tốt đẹp, thành tựu) [*Giám Hồ dạ phiếm kí* 鑿湖夜泛記],... (Qu, 1974). Rõ ràng, âm hưởng của những cái tên này có thể thấy trong cách đặt tên nhân vật của Nguyễn Dữ.

蕙/慧 (Le, 1977, 205). Một số sách có nói sở dĩ bà mang họ Ngô là bởi bà là con nuôi quốc lão Ngô Tử Văn (1370 - 1453) thời Lê sơ. Nhưng còn cái tên “Chi Lan”? Có phải do bà [được] đổi tên? Hay đó là tên do Nguyễn Dữ đặt? Dù thế nào thì cái tên ấy cũng rất đẹp (Chi và lan là hai loại cỏ thơm, quý) và cũng có ý nghĩa ứng với nhân cách, phẩm giá của bà như Nguyễn Dữ muốn khẳng định trong *Kim Hoa thi thoại kí* (và phải chăng cái tên Liễu Hạ Huệ cũng có ý khẳng định sự trong sạch của bà nữ sĩ đất Kim Hoa, và vì vậy chưa chắc đó đã là tên thật của bà?).

Một số nhân vật (phần nhiều là nữ) được đặt tên dường như có ý nghĩa báo trước số phận. Chẳng hạn, “tiểu tự” Hàn Than 寒灘 (bãi/ghềnh lạnh lẽo) của ca kĩ họ Đào (sinh ra từ chính việc nâng làm câu thơ nói thơ của vua Trần và được vua Trần ban cho) [*Đào thị nghiệp oan kí*] đã báo trước số phận hẩm hiu, bất hạnh, bẽ bàng của nàng (Đào Hàn Than - cô đào hẩm hiu, bất hạnh). Cái tên ấy hàm chứa quan niệm của người xưa về việc thơ văn có tính chất dự báo và nó sẽ vận vào người làm thơ, làm văn. Cái tên “Thiệt” của Vũ Thị Thiệt 武氏設 [*Nam Xương nữ tử lục*] tưởng không có gì đặc biệt (và là tên “người thật việc thật”?) nhưng cũng có thể kết hợp với câu chuyện cuộc đời nàng để thấy nó có ý nghĩa nhất định: “Thiệt” vừa có nghĩa là sự sắp đặt, an bài lại vừa là một từ nêu giả thiết nhưng khó thực hiện: “giả như” (thiết sử 設使). Đối với cuộc đời Vũ Thị Thiệt thì đúng là có cái gì đó đã sắp đặt từ đầu: lấy Trương Sinh vừa vô học vừa đa nghi hay ghen, để con tên Đản ngây thơ, chỉ vào bóng mình bảo con đó là “cha” và sau đó chết oan uổng vì chi tiết đó. Cuộc đời, số phận đó của Vũ Thị Thiệt cũng khiến người ta ngậm ngùi mà không thể không băn khoăn, tiếc nuối: Giá như... Giá như...! Và dường như đó cũng là tiếng thở dài của Nguyễn Dữ dành cho số phận của nàng. Riêng nhân vật Dư Nhuận Chi 余潤之 (tên là Tạo Tân 造新) [*Thủy Tiên truyện*] dường như cái tên lại báo hiệu một kết thúc có hậu, tươi sáng [Dư Nhuận Chi: Ta đền bù cho, tặng thêm cho; Tạo Tân: tạo ra cái mới, làm mới; Dư 余: ta - đồng âm với Dư 餘 - thừa, thêm] mà *Thủy Tiên truyện* đã thể hiện.

2.3. Những cái tên mang ý nghĩa châm biếm, mỉa mai

Ý nghĩa châm biếm, mỉa mai của những cái tên đi theo hai cơ chế, hai cách thức có thể nói là trái ngược nhau. Thứ nhất, những cái tên mang ý nghĩa ám chỉ trực tiếp những phẩm chất, tính cách xấu hoặc hoàn cảnh trớ trêu của nhân vật hoặc câu chuyện, đó là: Trình Trung Ngô [*Mộc miên thụ truyện*], Hà Nhân [*Tây viên kì ngộ kí*],

Ngụy Nhược Chân [*Đào thị nghiệp oan kị*], Trương Đản [Nam Xương nữ tử lục]. Cái tên Trình Trung Ngô 程忠遇 không xấu, thậm chí tốt (gặp điều trung nghĩa trên đường, tri ngộ điều trung nghĩa)¹⁰ nhưng nó lại đồng âm với “Trình Trung Ngô” 程中遇, nghĩa là “gặp nhau giữa đường, trên hành trình”, “tri ngộ trên hành trình” (có vẻ ứng với tên nhân vật nữ: “Diệp Khanh” (葉卿¹¹ - nàng lá). Nghĩa này rõ ràng có ý mỉa mai cuộc sống phóng lãng, giang hồ, thiếu khuôn phép, lễ giáo của anh chàng lái buôn, và cũng báo hiệu trước cái chết thảm của nhân vật (trái ngược với cái tên gốc khá đẹp: gặp điều trung nghĩa trên đường)¹². Cái tên “Hà Nhân” 何仁 vừa vận dụng phép đồng âm để có thể hiểu là “người nào đó” mơ hồ; lại có ý nghĩa khá mỉa mai bởi nó như một câu hỏi, một sự băn khoăn: “Hà nhân?” (Nào có chữ “nhân”?)¹³. Ý nghĩa đó dường như cũng để châm biếm thói phóng dục, coi thường khuôn phép của chàng học trò trẻ đi “du học” ở kinh kì. Cái tên “Ngụy Nhược Chân” 魏若真 [ông Ngụy có vẻ thật] đồng âm với “Ngụy nhược chân” 偽若真 nghĩa là “giả mà như thật”, dường như chỉ trích thói đạo đức giả, phi luân, ngụy quân tử của nhân vật (cũng là cách để nói nhân vật là hư cấu) là nguồn gốc cho cuộc đời lưu lạc trầm luân của Đào Hàn Than sau khi ra khỏi cung vua. Nó cũng ám chỉ thân phận hai đứa con Long Thúc, Long Quý của ông ta (giả mà như thật). Còn cái tên

¹⁰Trong *Dạ Xoa bộ soái lục* có nhân vật tên là Lê Ngô 黎遇. Dường như tên này cũng có ý chỉ sự gặp gỡ, tri ngộ trên đường (Lê Ngô gặp lại người bạn là Văn Dĩ Thành, lúc bấy giờ đã mất và trở thành bộ tướng Dạ Xoa). Nhưng sự gặp gỡ trong *Dạ Xoa bộ soái lục* lại là sự gặp gỡ tốt đẹp, dù kì lạ.

¹¹Có bản chép là Nhị Khanh 藥卿 (D. Nguyen, 1763, 1774). Ở đây chúng tôi theo bản cổ hơn là bản (D. Nguyen, 1712);

¹²Nhưng một mặt nào đó, nó cũng có nghĩa tốt nếu nhìn vào khía cạnh mối tình ngoài khuôn khổ giữa Trình Trung Ngô và Diệp Khanh.

¹³Tên nhân vật này cũng có dấu vết chịu ảnh hưởng từ tên một nhân vật của Cù Hựu trong *Phú quý phát tích ti chí* 富貴發跡司志 với tên gọi là “Hà Hữu Nhân” 何友仁 (Qu, 1974). Nhưng ý nghĩa, cách sử dụng hoàn toàn khác. Trong truyện của Cù Hựu, Hà Hữu Nhân cơ bản không có vấn đề gì về nhân cách, lối sống, nên cái tên nếu có ngụ ý cũng là ý tích cực chứ không có ý nghĩa châm biếm.

Trương Đản 張誕 - đứa con trai nhỏ của hai vợ chồng Trương và Vũ - trong *Nam Xương nữ tử lục* lại là một sự mỉa mai chua chát cho sự trở trêu của số phận, của con tạo. “Đản” vừa có nghĩa là “sinh ra”, “nuôi nấng”, lại vừa có nghĩa là “lừa dối”, “không thật”. Đọc *Nam Xương nữ tử lục*, ta sẽ thấy cậu bé Đản ngây thơ, cậu đã “nói thật” những gì mẹ cậu nói cho cậu rằng cái bóng chính là cha mình (đúng như câu tục ngữ “đi hỏi già, về nhà hỏi trẻ”), nhưng câu chuyện đó lại là không thật. Và thực ra, gốc gác của sự việc đó lại chính là việc “nói dối” con trẻ của Vũ Thị Thiết. Việc “nói dối” ấy có động cơ, có ý nghĩa cao đẹp, cảm động nhưng lại là nguyên nhân dẫn đến bi kịch cho Vũ Thị Thiết và cả gia đình nàng (con mất mẹ, chồng mất vợ,...). Vậy thì, thông điệp của Nguyễn Dữ ở đây là gì? Phải chăng thông điệp đó là: không thể dùng mục đích để bao biện cho hành động? Hay đó là một lời cảnh báo cho sự thận trọng cần thiết trong gia đình trước những việc nhạy cảm như việc phòng ngừa, giữ gìn phẩm tiết, tránh những tình huống “tình ngay lí gian”? Việc tác giả đặt tên đứa con là Đản khiến cho người đọc có được nhiều sự suy nghĩ, liên tưởng và diễn giải.

Thứ hai, ý nghĩa châm biếm được thể hiện từ sự đối lập, mâu thuẫn giữa cái tên và thực tế thân phận, số phận, tính cách, đó là những cái tên: Vô Kì, Long Thúc, Long Quý [*Đào thị nghiệp oan kị*], Lí Hữu Chi [*Lí tướng quân truyện*], Hồ Kì Vọng [*Xương Giang yêu quái lục*]. Cái tên Hồ Kì Vọng 胡期望 để tạo cảm giác về tương lai đầy sán lạn, nhiều hoài bão [Kì: hứa hẹn; Vọng: mong ngóng], nhưng thực tế số phận Hồ Kì Vọng lại rất ngắn ngủi, hẩm hiu. Hai nhân vật Long Thúc 龍叔, Long Quý 龍季 (hậu kiếp, hóa thân của Vô Kì, Đào Hàn Than) với nghĩa “rồng anh”, “rồng em” trong đó gửi gắm rất nhiều sự yêu thương, kì vọng của vợ chồng Ngụy Nhược Chân về già mới sinh được hai mụn con trai cùng, nhưng rồi cuộc lại hiện nguyên hình là những con rắn độc nguy hiểm, ma quái đầu thai để báo thù. Quả là tình tiết hết sức trớ trêu. Dường như ở Nguyễn Dữ như muốn nói: ở thời buổi đó, ngay cả những người thân nhất, đáng tin cậy nhất cũng có thể không đáng tin và dễ trở thành kẻ thù. Ai mà học được chữ ngờ? Sư bác Vô Kì 無己 có cái tên mang đầy đủ ý nghĩa tôn giáo, thể hiện sự thành tâm, ngộ đạo theo tư tưởng “vong ngã”, “bác ái” của Phật giáo. Thế nhưng cuộc đời, hành động của nhân vật lại hoàn toàn trái ngược: ông ta đã cải lại thầy mà tiếp nhận Đào thị rồi yêu say đắm, trọn vẹn, yêu đến tận cùng, cho đến khi phải trả giá bằng cái chết 2 lần (chết bên quan tài Đào Hàn Than,

đầu thai thành con nhà họ Ngụy rồi lại bị sư Pháp Vân trừng trị). Tên là “Vô Kì” nhưng thực tế con người ông lại rất “hữu kì”. Tương tự, cái tên Lí Hữu Chi 李友之 [*Lí tướng quân truyện*] có nghĩa là “hãy/có thể làm bạn với ông ấy (ông họ Lý)” thì lại là một vị tướng khát máu, tham lam, tàn nhẫn,... khó có thể mà “làm bạn” với ông ta được! Làm bạn với ông ta là làm bạn với quỷ dữ. Ý nghĩa mỉa mai, châm biếm sâu cay cũng từ đó mà toát ra.

Trước Nguyễn Dữ, việc đặt tên mang ý nghĩa mỉa mai khá hiếm trong văn học trung đại Việt Nam¹⁴. Thậm chí trong *Tiến đặng tân thoại*, tác phẩm mà *Truyện kì mạn lục* chịu nhiều ảnh hưởng, ngay cả từ cách đặt tên, việc đặt tên mang ý nghĩa châm biếm, hài hước cũng hầu như không xuất hiện. Điều này cho thấy, đây là một sáng tạo độc đáo của Nguyễn Dữ, đồng thời cũng phản ánh sự phát triển của tư duy châm biếm, trào phúng ở Nguyễn Dữ mà những truyện như *Kim Hoa thi thoại kí*, *Hạng Vương từ kí*, *Đông Triều phé tự lục* đã phản ánh.

Đến đây, chúng ta có thể đặt ra câu hỏi: Ngoài sáng tạo cá nhân, chủ quan của tác giả, những nhân tố nào đã làm nên những cách đặt tên nhân vật thú vị của Nguyễn Dữ nêu trên? Theo chúng tôi, có mấy nhân tố sau đây:

Trước hết, tập quán đặt tên của người trung đại phương Đông, đặc biệt là đặt tên chữ Hán (tên húy, tên chữ, tên hiệu, biệt hiệu...), với nhiều ý nghĩa sâu xa, gửi gắm thông điệp nhất định là một chỗ dựa để Nguyễn Dữ dùng đặt tên cho nhân vật của mình. Những cái tên của người phương Đông thường gửi gắm mơ ước, hoài bão, lí tưởng của người đặt tên cho người được đặt tên. Người phương Đông cũng tin rằng, những cái tên sẽ có ảnh hưởng nhiều đến tính cách, số phận của người được đặt tên (chẳng hạn, hiện tượng đổi tên để mong thay đổi số phận không hiếm ở thời trung đại).

Thứ hai, chữ Hán là chữ tượng hình, cấu tạo chủ yếu theo hình thức “bộ thủ (biểu ý) + thiên bàng (biểu âm)”, thiên về biểu ý, lại hàm súc đa nghĩa, nhất là khi kết hợp với nhau thành những cái tên mang nhiều ý nghĩa sâu xa. Hiện tượng đồng âm trong chữ Hán lại khá phổ biến (do số lượng âm tiết trong tiếng Hán khá hữu hạn) càng tạo cơ hội cho người dùng có thể chơi chữ (chiết tự, sử dụng đồng

âm, liên tưởng,...). Những đặc điểm đó giúp cho việc đặt tên nhân vật ngắn gọn, đa nghĩa và chuyển tải được ý đồ, dụng tâm nghệ thuật của tác giả. *Truyện kì mạn lục* được viết bằng chữ Hán đã tận dụng được lợi thế đó.

Thứ ba, truyền thống đặt tên nhân vật trong văn học trung đại ở Đông Á (trong đó có truyền thống văn học Đông Á nói chung, và trực tiếp là cách đặt tên nhân vật trong *Tiến đặng tân thoại* của Cù Hựu nói riêng, rồi truyền thống của văn học trung đại Việt Nam) có ý nghĩa tham khảo, gợi ý cho Nguyễn Dữ khi ông đặt tên cho các nhân vật của mình. Nếu đọc “liên văn bản”, chúng ta sẽ thấy ít nhiều tên các nhân vật trong *Truyện kì mạn lục* có bóng dáng tên các nhân vật trong văn học trung đại Đông Á, văn học trung đại Việt Nam.

Thứ tư, đặc trưng của văn học trung đại là tính chất ước lệ, tượng trưng, phúng dụ, lời ít ý nhiều cũng là một cơ sở lí giải cho nhu cầu đặt tên nhân vật có ý nghĩa nghệ thuật. Tác giả văn học trung đại không bỏ qua bất kì cơ hội nào để có thể “phục bút”, “ngụ ý” của mình trong tác phẩm. Vì vậy, những cái tên nhân vật cũng dễ dàng trở thành những “mã” nghệ thuật trong tác phẩm của họ. Nguyễn Dữ cũng không phải ngoại lệ và ông còn tận dụng nó một cách triệt để và đa dạng để tạo nên một “thế giới kí hiệu” tên nhân vật rất riêng trong các truyện truyền kì của mình.

Cuối cùng, tinh thần, không khí thời đại cũng có thể trở thành yếu tố tác động đến việc đặt tên nhân vật. Chẳng hạn, tinh thần chán hưng, văn hòi Nho học rất có thể là cơ sở để Nguyễn Dữ đặt những cái tên mang ý nghĩa ca tụng đạo đức Nho gia như một cách để gửi gắm tình cảm hoài cổ của mình về một “quá vãng vàng son” của Nho giáo (thời Hồng Đức). Nhưng rõ nhất vẫn là hiện tượng đặt tên mang tính trào phúng, châm biếm phản ánh không khí thời đại bước đầu có những yếu tố dân chủ, trào tiếu; đồng thời phản ánh tư trào phê phán Phật giáo và các yếu tố phi Nho giáo khác (T. T. Nguyen, 2020).

3. Kết luận

Tóm lại, việc tìm hiểu ý nghĩa, giá trị như là “tín hiệu nghệ thuật” của những cái tên nhân vật trong *Truyện kì mạn lục* cho chúng ta thấy Nguyễn Dữ bằng học vấn uyên thâm và tài năng nghệ thuật của mình đã tận dụng và khai thác sáng tạo “văn hoá đặt tên” của người trung đại phương Đông, truyền thống văn học khu vực và trong nước, để gửi gắm ý đồ nghệ thuật của mình. Ông cũng đứng trên mảnh đất hiện thực thời đại mình để sáng tạo ra những cái tên nhân vật độc đáo, giàu ý nghĩa tư tưởng

¹⁴Có lẽ, chỉ có truyện *Hà Ô Lô* trong *Lĩnh Nam chích quái lục* là có hiện tượng này với tên nhân vật chính “Hà Ô Lô” (ý nghĩa, gốc gác cái tên này khá phức tạp, nhưng về mặt chữ nghĩa, ít nhất cái tên này ám chỉ màu da đen, ám chỉ Thiên Lô, một nhân vật ít gây thiện cảm đối với độc giả). Nhưng *Hà Ô Lô* là một hiện tượng lạ, hiếm hoi của văn học Việt Nam trước thế kỉ XVI (T. T. Nguyen, 2008).

và nghệ thuật. Nắm được ý nghĩa sâu xa của những cái tên nhân vật, chắc hẳn, độc giả không những được “thường thức” một nét văn hoá thâm trầm, thú vị mà còn có được ấn tượng sâu đậm hơn, khó quên hơn về các nhân vật cũng như về toàn bộ tác phẩm. Điều đó góp phần làm cho các nhân vật được “đặc trưng hoá”, được khắc hoạ sâu hơn trong tiếp nhận của độc giả. Từ góc độ tiến trình văn học, sự chú ý đến việc đặt tên nhân vật theo lối hư cấu, ngụ ý, phúng dụ cũng cho thấy một sự phát triển nhất định về tư duy nghệ thuật, đánh dấu sự thoát li của văn xuôi nghệ thuật khỏi lối chép sử (biên niên, thực lục, kì truyện,...) trong nội bộ văn học trung đại. Hiện tượng này cũng là một ví dụ của việc nhà văn đã biến ngôn ngữ đời sống (tên gọi) thành ngôn ngữ nghệ thuật như thế nào. Khi nhà văn “tái hiện”, “thể hiện” ngôn ngữ đời sống thì nó không còn là thứ ngôn ngữ khách quan, tự nó mà nó đã trở thành ngôn ngữ chủ quan, chuyển tải ý đồ và sự sáng tạo nghệ thuật của nhà văn. Từ góc độ tiếp nhận văn học, hiện tượng cũng cho thấy độc giả có quyền được tiếp nhận, diễn giải tác phẩm theo “tâm đón đợi” và “kinh nghiệm thâm mĩ” của mình, miễn là có lí và khả giải.

Tài liệu tham khảo

- Cu, H. (1999). *New stories told while trimming the wick (Tiển đăng tân thoại)* (T. C. Pham, Trans.). Literature Publishing House.
- Le, Q. D. (1977). *Full collection (Book 2) [Toàn tập (tập 2)]*. Social Sciences Publishing House.
- Nguyen, D. (1712). *Records of fantastic tales [Truyện kì mạn lục (傳奇漫錄)]*. Loai Am hoi chu ban.
- Nguyen, D. (1763). *A new edition of Truyện kỳ mạn lục with supplementary annotation and Nôm transliteration [Tân biên truyện kì mạn lục tăng bổ giải âm tập chú (新編傳奇漫錄增補解音集註)]*. Lieu Chang xa Nguyen Bich gia ban trung san.
- Nguyen, D. (1774). *A new edition of Truyện kỳ mạn lục with supplementary annotation and Nôm transliteration [Tân biên truyện kì mạn lục tăng bổ giải âm tập chú (新編傳奇漫錄增補解音集註)]*. Nguyễn Đình Lân gia bản.
- Nguyen, D. (1999). *Records of fantastic tales (Truyện kì mạn lục)* (V. T. Ngo, Trans.). Literature Publishing House.
- Nguyen, D. N. (2006). *Decoding Medieval Vietnamese literature (Con đường giải mã văn học trung đại Việt Nam)*. Vietnam Education Publishing House.
- Nguyen, H. C. (1978). *Poetry and literature of Li and Trần dynasties (Book 3) (Thơ văn Lí Trần) (tập 3)*. Social Sciences Publishing House.
- Nguyen, T. T. (2008). An analysis of type and motif of short stories by Ha O Loi (Phân tích tip truyện và motif truyện ngắn Hà Ô Lôi). *Autobiography studies - Some theoretical and historical issues*, 418-429.
- Nguyen, T. T. (2020). An examination of some trends in Vietnamese poetry in XVI century through *Truyen ki man luc* (Nguyễn Dữ) [Thử tìm hiểu một số khuynh hướng thơ ca Việt Nam thế kỉ XVI qua *Truyện kì mạn lục* (Nguyễn Dữ)]. *National Conference on Researching and teaching literary works by genre*, Hanoi National University of Education, 217-230.
- Qu, Y. (1974). *New stories told while trimming the wick [Tiển đăng tân thoại] (剪燈新話)*. World Press.
- Tran, I. N. (2000). *Comparative study of Tiển đăng tân thoại and Truyện kì mạn lục (Nghiên cứu so sánh Tiển đăng tân thoại & Truyện kì mạn lục)* (T. C. Pham, T. B. T. Tran, & T. N. Nguyen, Trans.). Literature Publishing House.

CHARACTERS' NAMES AS ARTISTIC SIGNALS:

DECODING NAMES OF CHARACTERS IN *TRUYỆN KÌ MẠN LỤC* BY NGUYỄN DỮ

Nguyễn Thanh Tung

Ha Noi National University of Education, Vietnam

Author corresponding: Nguyen Thanh Tung- Email: nguyentunghnue@gmail.com

Article History: Received on 03rd May 2021; Revised on 16th August 2021; Published on 31st December 2021

Abstract: As a masterpiece of Medieval Vietnamese literature, *Truyện kì mạn lục* (Freely Records of fantastic tales) shows many artistic inheritance and creation by Nguyễn Dữ in many fields. Nguyễn Dữ's naming the characters in his work, making their names become true "artistic signals", also represents those inheritance and creation. He inherited ways of naming the characters from East Asian and Vietnamese traditions in general, from Qu You's *Xian deng xin hua* in particular, as well as created new ones to do different artistic purposes, especially ironic/humorous one. The paper focuses on classifying and analysing the characters' names in *Truyện kì mạn lục* in order to assert characters naming as unique artistic method as well as artistic success of Nguyễn Dữ in his work.

Key words: Nguyễn Dữ; *Truyện kì mạn lục*; characters' names; artistic signal; decode.